

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ HỒ TỬ ĐOÀNG
ĐẾN SỐ: 5050
Ngày 4.1.9.18



GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

SỐ 38/GP - UBND

Ngày cấp 30 - 8 - 2018

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 06/8/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát, sỏi trong "Báo cáo kết quả thăm dò cát, sỏi lòng sông Phó Đáy thuộc địa bàn các xã Tuần Lộ, Hợp Hòa, Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang";

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi lòng sông Phó Đáy thuộc địa bàn các xã Tuần Lộ, Hợp Hòa, Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 19/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác cát, sỏi lòng sông Phó Đáy thuộc địa bàn các xã Tuần Lộ, Hợp Hòa, Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản ngày 09/8/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An (địa chỉ: số nhà 386, đường Quang Trung, tổ 22, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 264/TTr-STNMT ngày 10/8/2018 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông Phó Đáy thuộc địa bàn các xã Tuần Lộ, Hợp Hòa, Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thẩm định Thiết kế cơ sở dự án đầu tư khai thác mỏ số 34/TBTD-SXD ngày 15/3/2018 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An được khai thác cát, sỏi bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát, sỏi lòng sông Phó Đáy thuộc địa bàn các xã Tuần Lộ, Hợp Hòa, Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 457.800 m² (45,78 ha), chia làm 03 khu:
 - Khu 1 (S1) có diện tích 4,86 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 29.
 - Khu 2 (S2) có diện tích 7,12 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 30 đến 58
 - Khu 3 (S3) có diện tích 33,8 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 59 đến 138.

Các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 (Phụ lục 2) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất:

- Khu 1 (S1): Khối trữ lượng cấp 1-122 chiều sâu khai thác tối đa là 0,8 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 44,4 m); Khối trữ lượng cấp 2-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,3 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 42,4 m);

- Khu 2 (S2): Khối trữ lượng cấp 3-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,3 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 40,1 m); Khối trữ lượng cấp 4-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,4 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 39,0 m); Khối trữ lượng cấp 5-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,5 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 35,7 m); Khối trữ lượng cấp 6-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,4 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 34,5 m); Khối trữ lượng cấp 7-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,4 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 33,5 m); Khối trữ

lượng cấp 8-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,5 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 31,4 m).

- Khu 3 (S3): Khối trữ lượng cấp 9-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,6 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 29,4 m); Khối trữ lượng cấp 10-122 chiều sâu khai thác tối đa là 1,3 m (mức sâu khai thác thấp nhất đến + 28,4 m).

3. Trữ lượng

- Trữ lượng địa chất toàn mỏ cấp 122 là: 830.562 m³.

- Trữ lượng khai thác toàn mỏ cấp 122 (văn bản số 1078/STNMT-KS ngày 24/8/2018): 664.450 m³ (trong đó: trữ lượng cát là 259.136 m³, trữ lượng sỏi là 405.314 m³).

4. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

5. Công suất khai thác: 30.000 m³/năm (trong đó: cát là 11.700 m³/năm, sỏi 18.300 m³/năm).

6. Thời hạn khai thác: 23 năm, kể từ ngày ký giấy phép khai thác.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

Sử dụng đúng số lượng, công suất thiết bị khai thác (tàu hút) đã được Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định vào khai thác cát, sỏi và nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, vận chuyển cát sỏi (hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp) cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trước khi tiến hành khai thác.

Hoàn thành thủ tục và sử dụng đúng bến bãi tập kết cát, sỏi theo quy định.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương nơi có mỏ kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; bảo đảm an toàn bờ sông, đê, kè, cống, cầu, các công trình khác trên sông, đảm bảo an toàn giao thông đường sông theo quy định của pháp luật.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyên phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

8. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Giao trách nhiệm Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương và thủ trưởng các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Hướng dẫn, kiểm tra quá trình tổ chức hoạt động khoáng sản theo Giấy phép này của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

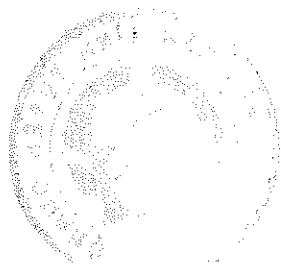
Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Lê Phát An (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKS tỉnh (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND huyện Sơn Dương (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang



RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 38 /GP-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Diện tích	Tên điểm	TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC		Tên điểm	TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC	
		(Hệ toạ độ VN 2000 - Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)			(Hệ toạ độ VN 2000 - Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
Khu S1 = 4,86 ha	1	²³ 96.039	⁴ 37.327	16	²³ 94.518	⁴ 38.594
	2	²³ 96.001	⁴ 37.440	17	²³ 94.515	⁴ 38.558
	3	²³ 95.945	⁴ 37.477	18	²³ 94.644	⁴ 38.532
	4	²³ 95.916	⁴ 37.553	19	²³ 94.683	⁴ 38.459
	5	²³ 95.845	⁴ 37.586	20	²³ 94.840	⁴ 38.280
	6	²³ 95.659	⁴ 37.625	21	²³ 95.081	⁴ 38.150
	7	²³ 95.565	⁴ 37.693	22	²³ 95.263	⁴ 38.182
	8	²³ 95.465	⁴ 37.838	23	²³ 95.451	⁴ 38.037
	9	²³ 95.502	⁴ 37.929	24	²³ 95.481	⁴ 37.950
	10	²³ 95.494	⁴ 38.101	25	²³ 95.449	⁴ 37.808
	11	²³ 95.418	⁴ 38.111	26	²³ 95.605	⁴ 37.623
	12	²³ 95.281	⁴ 38.192	27	²³ 95.874	⁴ 37.559
	13	²³ 95.068	⁴ 38.173	28	²³ 95.942	⁴ 37.461
	14	²³ 94.840	⁴ 38.305	29	²³ 95.997	⁴ 37.328
	15	²³ 94.635	⁴ 38.559			

Khu S2 = 7,12 ha	30	²³ 93.607	⁴ 3931	45	²³ 92.252	⁴ 39.352
	31	²³ 93.499	⁴ 38.968	46	²³ 92.256	⁴ 39.171
	32	²³ 93.247	⁴ 38.833	47	²³ 92.497	⁴ 39.074
	33	²³ 93.213	⁴ 38.791	48	²³ 92.638	⁴ 39.108
	34	²³ 93.006	⁴ 38.688	49	²³ 92.688	⁴ 39.041
	35	²³ 92.744	⁴ 38.548	50	²³ 92.682	⁴ 38.766
	36	²³ 92.652	⁴ 38.558	51	²³ 92.615	⁴ 38.591
	37	²³ 92.633	⁴ 38.594	52	²³ 92.633	⁴ 38.551
	38	²³ 92.694	⁴ 38.760	53	²³ 92.782	⁴ 38.489
	39	²³ 92.728	⁴ 38.937	54	²³ 92.872	⁴ 38.579
	40	²³ 92.720	⁴ 39.150	55	²³ 93.182	⁴ 38.733
	41	²³ 92.618	⁴ 39.150	56	²³ 93.281	⁴ 38.819
	42	²³ 92.484	⁴ 39.111	57	²³ 93.500	⁴ 38.946
	43	²³ 9.315	⁴ 39.162	58	²³ 93.599	⁴ 38.906
44	²³ 92.284	⁴ 39.356				
Khu S3 = 33,8 ha	59	²³ 91.721	⁴ 40.108	99	²³ 87.515	⁴ 42.264
	60	²³ 91.612	⁴ 40.366	100	²³ 87.574	⁴ 42.080
	61	²³ 91.552	⁴ 40.386	101	²³ 87.874	⁴ 41.960
	62	²³ 91.248	⁴ 39.835	102	²³ 88.103	⁴ 41.755
	63	²³ 91.315	⁴ 39.698	103	²³ 88.319	⁴ 41.690
	64	²³ 91.296	⁴ 39.553	104	²³ 88.421	⁴ 41.730
	65	²³ 91.234	⁴ 39.463	105	²³ 88.693	⁴ 41.718
	66	²³ 91.170	⁴ 39.408	106	²³ 89.067	⁴ 41.583
	67	²³ 91.092	⁴ 39.455	107	²³ 89.200	⁴ 41.473
	68	²³ 90.955	⁴ 39.416	108	²³ 89.369	⁴ 41.392
	69	²³ 90.723	⁴ 39.410	109	²³ 89.356	⁴ 41.306
	70	²³ 90.568	⁴ 39.329	110	²³ 89.179	⁴ 40.917
	71	²³ 90.498	⁴ 39.535	111	²³ 89.154	⁴ 40.694
	72	²³ 90.575	⁴ 39.639	112	²³ 89.318	⁴ 40.467
	73	²³ 90.751	⁴ 39.742	113	²³ 89.362	⁴ 40.245
74	²³ 90.762	⁴ 39.947	114	²³ 89.511	⁴ 40.269	
75	²³ 90.705	⁴ 40.161	115	²³ 89.818	⁴ 40.358	
76	²³ 9584	⁴ 40.254	116	²³ 90.085	⁴ 40.402	
77	²³ 90.137	⁴ 40.430	117	²³ 90.172	⁴ 40.386	
78	²³ 89.830	⁴ 40.395	118	²³ 90.652	⁴ 40.189	

79	²³ 89.463	⁴ 40.273	119	²³ 90.692	⁴ 40.114
80	²³ 89.385	⁴ 40.316	120	²³ 90.738	⁴ 39.946
81	²³ 89.313	⁴ 40.547	121	²³ 90.732	⁴ 39.745
82	²³ 89.179	⁴ 40.750	122	²³ 90.555	⁴ 39.655
83	²³ 89.188	⁴ 40.861	123	²³ 90.482	⁴ 39.570
84	²³ 89.362	⁴ 41.266	124	²³ 90.428	⁴ 39.437
85	²³ 89.382	⁴ 41.396	125	²³ 90.522	⁴ 39.253
86	²³ 89.242	⁴ 41.489	126	²³ 90.661	⁴ 39.358
87	²³ 89.131	⁴ 41.637	127	²³ 90.772	⁴ 39.380
88	²³ 89.034	⁴ 41.637	128	²³ 90.926	⁴ 39.385
89	²³ 88.761	⁴ 41.741	129	²³ 91.104	⁴ 39.414
90	²³ 88.259	⁴ 41.762	130	²³ 91.208	⁴ 39.380
91	²³ 88.061	⁴ 41.911	131	²³ 91.263	⁴ 39.433
92	²³ 87.856	⁴ 42.007	132	²³ 91.329	⁴ 39.577
93	²³ 87.611	⁴ 42.205	133	²³ 91.340	⁴ 39.692
94	²³ 87.418	⁴ 42.502	134	²³ 91.288	⁴ 39.811
95	²³ 87.464	⁴ 42.678	135	²³ 91.538	⁴ 40.179
96	²³ 87.397	⁴ 42.688	136	²³ 91.491	⁴ 40.235
97	²³ 87.380	⁴ 42.509	137	²³ 91.544	⁴ 40.294
98	²³ 87.419	⁴ 42.371	138	²³ 91.706	⁴ 40.080
Tổng diện tích: 45,78 ha					

